

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2025/DS-ST

Ngày: 26 – 4 - 2025

V/v tranh chấp “hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Mộng Linh

2. Ông Lê Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Nguyễn Nhứt - Thư ký Tòa án.

Trong ngày 26 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2025/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Hồng Ngọc N, sinh năm 2001; địa chỉ: số 233/4 ấp G, xã Đ, huyện T, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N: Bà Võ Thị Thúy N, sinh năm 1988; địa chỉ: 211 ấp M, xã N, huyện M, tỉnh N.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn Út E, sinh năm 1971 và bà Lâm Thị Bích P, sinh năm 1976; cùng địa chỉ: 35/1 ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh N (cùng vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô Hồng Ngọc N - bà Võ Thị Thúy N trình bày:

Ngày 21/11/2023 bà Ngọc N có cho vợ chồng bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E vay số tiền 800.000.000 đồng, vay không lãi suất, mục đích vay làm kinh tế gia đình, thời hạn trả tiền vay chia làm 04 đợt như sau: ngày 21/02/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng; 21/5/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng; ngày 21/8/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng; ngày 21/11/2024 trả tiền gốc 200.000.000 đồng. Bà N đã giao tiền đầy đủ cho bà P, ông Út E.

Cùng ngày 21/11/2023 bà Ngọc N và vợ chồng bà Bích P, ông Út E cùng ra Văn phòng công chứng T để ký Hợp đồng vay tiền.

Sau đó đến hạn trả nợ vay ngày 21/02/2024 bà P, ông Út E không trả nợ gốc cho bà Ngọc N, nên bà Ngọc N đã làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả lại cho bà Ngọc N số tiền còn nợ của kỳ trả tiền gốc ngày 21/02/2024 và Tòa án đã ban hành Bản án số 114/2024/DS-ST ngày 23/7/2024 buộc bà P, ông Út E liên đới trả cho bà Ngọc N số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng của kỳ trả nợ gốc ngày 21/02/2024. Bản án đã có hiệu lực pháp luật thi hành.

Như vậy bà P, ông Út E hiện còn nợ bà Ngọc N số tiền nợ gốc của kỳ trả tiền vay ngày 21/5/2024 số tiền phải trả là 200.000.000 đồng; kỳ vay ngày 21/8/2024 số tiền phải trả 200.000.000 đồng; kỳ gày 21/11/2024 số tiền phải trả 200.000.000 đồng với tổng cộng là 600.000.000 đồng. Đến nay đã quá thời hạn cam kết trả nợ cho các kỳ trả nợ còn lại như nội dung của hợp đồng. Mặc dù bà Ngọc N có nhiều lần yêu cầu bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E vẫn không trả khoản vay cho bà Ngọc N.

Nay bà Ngô Hồng Ngọc N yêu cầu bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn nợ là 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày Tòa án thụ lý vụ án (ngày 21/02/2025) cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án, với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E trả tiền vay nên quan hệ pháp luật là tranh chấp “hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E cư trú tại ấp A, xã Q, huyện T, tỉnh N, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Võ Thị Thúy N có đơn xin xét xử vắng mặt, các bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ

đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ các Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trong vụ án.

[3] Về nội dung tranh chấp: nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E trả số tiền vay còn nợ là tổng cộng là 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán.

[4] Về nghĩa vụ trả tiền: Hội đồng xét xử thấy rằng: trong quá trình khởi kiện nguyên đơn Ngô Hồng Ngọc N có cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng vay tiền được chứng thực ngày 21/11/2023, số công chứng: 3649, Quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD. Bà N có ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng với tư cách là “bên cho vay”. Còn ông Phạm Văn Út E và bà Lâm Thị Bích P có cùng ký tên và điểm chỉ vào hợp đồng nêu trên với tư cách là “bên vay”. Do đó văn bản là Hợp đồng vay tiền được chứng thực ngày 21/11/2023 nêu trên được xem là căn cứ xác định giữa bà N và ông Út E, bà Mỹ P có xác lập, thực hiện hợp đồng vay tài sản. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn với các bị đơn được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Út E và bà P có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay tổng cộng là 600.000 đồng vì ông Út E và bà P bà cùng ký tên vay tiền và đã quá thời hạn cam kết trả nợ dẫn đến vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay. Đối với các bị đơn ông Út E và bà P mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, bản sao Đơn khởi kiện, bản sao hợp đồng vay tiền được chứng thực ngày 21/11/2023 và các tài liệu chứng cứ mà nguyên đơn bà N giao nộp và được triệu tập hợp lệ để nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng các bị đơn ông Út E và bà P vẫn vắng mặt, không đưa ra ý kiến phản đối về các chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 288, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự cần buộc ông Út E và bà P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N số tiền đã vay là 600.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là phù hợp. Tiền lãi chậm thanh toán được tính từ ngày 21/02/2025 (ngày Tòa án thụ lý vụ án) đến ngày 26/4/2025 (ngày Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án), cụ thể như sau $600.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} 04 \text{ ngày} = 10.624.000 \text{ đồng}$. Như vậy tổng số tiền mà ông Út E và bà P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà N là 610.624.000 đồng.

[5] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải liên đới nộp

án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 147; Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 288, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Hồng Ngọc N đối với bị đơn bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E. Buộc bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Ngô Hồng Ngọc N số tiền tổng cộng là 610.624.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi là 10.624.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Lâm Thị Bích P và ông Phạm Văn Út E có nghĩa vụ liên đới chịu 28.424.960 đồng.

Bà Ngô Hồng Ngọc N được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.000.000 đồng theo biên lai thu số 0008714 ngày 12/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Phú;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phan Cẩm Nhung

